

Bản án số: 171/2023/HS-PT
Ngày 28-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn.

Bà Nguyễn Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thắng Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 221/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Trần Văn T do có kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023/HS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo bị kháng nghị:

Trần Văn T, sinh năm 1977 tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú: thôn T1, xã Y, huyện Y1, tỉnh Nam Định; nơi tạm trú: số X, Tỉnh lộ Y, tổ Z, khu phố M, phường B, thành phố T2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng T3 và bà Dương Thị Đ; có vợ là bà Trần Thị D; có 01 con (sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 10/5/2005, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2005/HSST) và ngày 10/3/2008, bị Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Bình Dương xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2008/HSST); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 26/3/2023; có mặt.

Ngoài ra, có 02 người đại diện hợp pháp của bị hại, 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 04/11/2022, bị cáo Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển số 76L3-N đi từ Thành phố Hồ Chí Minh theo Quốc lộ 13 đến địa bàn huyện D, tỉnh Bình Dương để nhặt vỏ ruột xe cũ. Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 05/11/2022, ông Lê Đình Đ1 là công nhân khai thác mỏ cao su của Nông trường Cao su M1 thuộc Công ty TNHH MTV Cao su D để 01 (một) mooc lôi chở mỏ, trên mooc lôi có các tài sản gồm: 01 rây lọc mỏ bằng kim loại, 03 phuy nhựa màu xanh, 06 thùng bằng kim loại, 05 thùng nhựa màu trắng, 01 can nhựa màu xanh, 02 ống nhựa dùng để hút mỏ cao su, 01 bàn nhựa màu đỏ, 01 ghế nhựa màu đỏ tại điểm tập kết mỏ cao su của lô 20 Nông trường Cao su M1 thuộc ấp T4, xã M2, huyện D, tỉnh Bình Dương rồi đi cạo mỏ. Khoảng 03 giờ 00 phút, khi đi ngang qua điểm tập kết mỏ cao su của lô 20 Nông trường Cao su M1, bị cáo T nhìn thấy các tài sản trên nên đã lên lút lấy mooc lôi cùng số tài sản trên gắn vào phía sau xe mô tô biển số 76L3-N rồi kéo về Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo T mang mooc lôi đến vừa mua phế liệu tại phường H, Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho ông Nguyễn Hữu Đ2 với giá 1.100.000 đồng. Các tài sản còn lại, bị cáo T mang đến vừa mua phế liệu A tại khu phố 2, phường B, thành phố T2, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho bà Vũ Thị P1 với giá 250.000 đồng.

Đến khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày, ông Đ1 quay lại điểm tập kết mỏ thì phát hiện bị mất tài sản. Ngày 09/11/2022, ông Đ1 đến Công an xã M2, huyện D trình báo sự việc. Sau khi nhận được tin báo, Công an xã M2 đã tiến hành xác minh, trích xuất camera an ninh. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 10/11/2022, Công an xã M2 phát hiện bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 76L3 – N lưu thông trên địa bàn xã M2 có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra và đưa bị cáo về Công an xã M2 làm việc. Quá trình làm việc tại Công an xã M2, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp số tài sản nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 24/3/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là 8.390.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện D đã thu giữ: 01 rây lọc mỏ bằng kim loại; 03 phuy nhựa màu xanh; 06 thùng bằng kim loại; 05 thùng nhựa màu trắng; 01 can nhựa màu xanh; 01 xe mô tô biển số 76L3-N; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa có 04 màu đen, trắng, đỏ, xanh dương; 01 áo khoác màu đen; 01 đôi dép màu đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 76L3-N mang tên Bùi Phụ B1 và số tiền 990.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023/HS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 106, 136, 260, 268, 269, 290, 292, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 173, Điều 46, Điều 48, các điểm b, h, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (14/9/2023).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-DT đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2023, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương có quyết định kháng nghị phúc thẩm đề nghị không cho bị cáo hưởng án treo. Kháng nghị trong thời hạn luật định. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm xác định. Bị cáo có nhân thân xấu, từng 02 lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” (vào năm 2005 và năm 2008) với thủ đoạn tương tự. Mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng không tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo là chưa nghiêm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày có hoàn cảnh khó khăn, bị chấn thương do tai nạn nên Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm, không cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo một cơ hội cuối cùng để bị cáo được ở ngoài đi làm kiếm tiền mổ chân, nuôi con đi học và nuôi mẹ già; bố của bị cáo vừa qua đời. Mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo để bị cáo có cơ hội phụng dưỡng mẹ, nuôi con và kiếm tiền mổ chân. Mong Hội đồng xét xử cho bị cáo cơ hội cuối cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D được thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: tại biên bản ghi lời khai ngày 09/11/2022, ông Lê Đình Đ1 khai tài sản bị chiếm đoạt do Nông trường Cao su M1 ủy quyền cho ông Đ1 quản lý từ ngày 15/3/2022. Tại đơn trình báo ngày 09/11/2022, biên bản ghi lời khai ngày 12/01/2023 và ngày 11/7/2023, người đại diện của Nông trường Cao su M1 thuộc Công ty TNHH MTV Cao su D trình bày tài sản bị chiếm đoạt do Nông trường Cao su M1 giao nhiệm vụ cho ông Đ1 sử dụng để cạo mủ. Cơ quan điều tra không thu thập tài liệu, chứng cứ xác định Nông trường Cao su M1 thuộc Công ty TNHH MTV Cao su D đã giao các tài sản trên cho ông Đ1 quản lý, sử dụng để xác định ông Đ1 là bị hại trong vụ án và đưa ông Đ1 vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, vấn đề trả lại tài sản bị chiếm đoạt (đối với các tài sản thu hồi được) và vấn đề bồi thường thiệt hại (đối với tài sản không thu hồi được) đã được giải quyết xong nên thiếu sót này không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ1 và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[3] Các quyết định tố tụng khác của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định khác của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng khác của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: khoảng 03 giờ 00 phút ngày 05/11/2022, bị cáo Trần Văn T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 mooc lôi chở mủ, 01 rây lọc mủ bằng kim loại, 03 phuy nhựa màu xanh, 06 thùng bằng kim loại, 05 thùng nhựa màu trắng, 01 can nhựa màu xanh, 02 ống nhựa dùng để hút mủ cao su, 01 bàn nhựa màu đỏ và 01 ghế nhựa màu đỏ do ông Lê Đình Đ1 (là công nhân khai thác mủ cao su của Nông trường Cao su M1) để tại điểm tập kết mủ cao su của lô 20 Nông trường Cao su M1 thuộc ấp T4, xã M2, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 24/3/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D kết luận tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 8.390.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình

sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 8.390.000 đồng, bị hại Công ty TNHH MTV Cao su D là một tổ chức kinh tế lớn nên việc bị mất trộm số tài sản trên không gây cản trở lớn đến hoạt động bình thường của bị hại và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, như đã nhận định tại mục [3], do cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa xác định đúng bị hại trong vụ án nên việc Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như nêu trên và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cho bị cáo là không đúng. Đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; Công ty TNHH MTV Cao su D đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[6] Xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Mặc dù bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo từng 02 lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản với hành vi, phương thức, thủ đoạn, thời gian thực hiện hành vi phạm tội (đêm khuya) và tài sản chiếm đoạt tương tự nhau: năm 2005, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản là thùng lõi xe mô tô và năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện B (nay là thị xã B) xử phạt 10 tháng tù về hành vi trộm cắp tài sản là rơ moóc gắn vào xe mô tô và tương tự với hành vi phạm tội lần này (tài sản chiếm đoạt là moóc lõi) nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân; không cố gắng sửa đổi để làm người lương thiện, lao động chân chính, có ích cho xã hội; không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Mặc dù hành vi của bị cáo vào năm 2005 và năm 2008 theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không còn là hành vi phạm tội nhưng việc bị cáo từng nhiều lần bị xử phạt tù đều về hành vi trộm cắp tài sản nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo hưởng án treo là không nghiêm, không có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và sẽ ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương là có căn cứ.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[8] Ý kiến của bị cáo về việc bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tiền

mổ chân, phải nuôi con đang đi học, nuôi mẹ già, vợ của bị cáo đã bỏ đi và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Trách nhiệm hình sự:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023/HS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Trần Văn T về biện pháp chấp hành hình phạt tù:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân huyện D (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện D;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP (4). (16).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Hoàng